

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP
Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
Chuyên ngành: ĐIỆN TỬ

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
1	ĐT003	12D3010004	Lê Bảo Anh	16.11.92	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	5
2	ĐT001	12D3010005	Bùi Thiên Ái	17.06.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	6
3	ĐT004	12D3010009	Mai Thái Bảo	14.10.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	6
4	ĐT006	12D3010012	Lê Văn Bình	16.03.92	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	7
5	ĐT007	12D3010013	Trần Thanh Bình	11.10.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	5
6	ĐT011	12D3010016	Nguyễn Thành Công	05.01.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	6
7	ĐT012	12D3010017	Phạm Minh Công	22.04.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	8
8	ĐT017	12D3010029	Nguyễn Tấn Duy	28.02.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	8
9	ĐT023	12D3010037	Ngô Quang Hải	20.08.91	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	6
10	ĐT027	12D3010041	Huỳnh Ngọc Hiền	22.09.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 01	6
11	ĐT030	12D3010045	Lê Xuân Hiếu	19.04.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	5
12	ĐT035	12D3010053	Mạch Minh Huy	01.10.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	6
13	ĐT037	12D3010057	Hoàng Trường Khanh	19.02.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	4
14	ĐT045	12D3010073	Võ Minh Lợi	15.01.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	5
15	ĐT047	12D3010078	Nguyễn Chí Bình Minh	17.12.91	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	7
16	ĐT048	12D3010082	Nguyễn Tiến Ngọc	28.10.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	5
17	ĐT050	12D3010086	Nguyễn Thành Nhân	16.11.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	5
18	ĐT052	12D3010089	Tô Tấn Phát	19.08.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	6
19	ĐT053	12D3010090	Mai Lê Hoàng Phi	20.11.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 02	6
20	ĐT055	12D3010092	Lê Văn Phú	28.08.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	5
21	ĐT056	12D3010094	Nguyễn Hồng Phúc	00.00.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	7
22	ĐT058	12D3010180	Lê Văn Phước	19.11.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	7
23	ĐT060	12D3010101	Huỳnh Tuyết Quan	17.09.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	6
24	ĐT061	12D3010106	Trần Văn Quý	10.02.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	6
25	ĐT063	12D3010109	Võ Thanh Sang	18.10.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	8
26	ĐT065	12D3010098	Hoàng Nguyễn Võ Quốc Sơn	08.06.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	5
27	ĐT066	12D3010113	Nguyễn Phi Sơn	15.05.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	7
28	ĐT067	11D0060156	Đinh Thành Tài	01.04.91	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	8
29	ĐT068	12D3010118	Nguyễn Văn Bé Tám	22.04.90	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	5

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
30	ĐT070	12D3010123	Nguyễn Văn	Tặng	28.12.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	5
31	ĐT071	12D3010124	Nguyễn Thanh	Tàu	24.10.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	7
32	ĐT072	12D3010126	Phạm Ngọc	Thạch	10.03.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	6
33	ĐT073	12D3010128	Phạm Văn	Thái	09.06.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	6
34	ĐT076	12D3010133	Huỳnh Minh	Thành	22.09.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	6
35	ĐT075	12D3010134	Nguyễn Hải Kỳ	Thanh	15.09.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	8
36	ĐT078	12D3010140	Lê Hoàng	Thiện	06.07.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	7
37	ĐT079	12D3010144	Mai Hoài	Thư	23.09.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	6
38	ĐT080	12D3010145	Lê Hoàng	Thức	10.03.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	6
39	ĐT081	12D3010149	Nguyễn Đức	Toàn	16.03.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	3
40	ĐT082	12D3010150	Nguyễn Minh	Trí	13.06.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 03	5
41	ĐT084	12D3010154	Nguyễn Văn	Trình	10.05.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
42	ĐT085	12D3010156	Nguyễn Hoài	Trọng	20.11.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
43	ĐT086	12D3010157	Nguyễn Trung	Trực	02.11.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
44	ĐT087	12D3010158	Trần Đức	Trung	28.03.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	8
45	ĐT089	12D3010161	Nguyễn Thanh	Trường	21.08.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
46	ĐT090	12D3010162	Trần Công Quốc	Trường	15.11.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
47	ĐT092	12D3010165	Lê Hoàng	Tuấn	25.09.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	7
48	ĐT093	11D0060190	Trần Cảnh	Tuấn	20.05.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
49	ĐT094	12D3010169	Trần Thanh	Tùng	01.01.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
50	ĐT095	12D3010172	Đinh Đức	Việt	26.10.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
51	ĐT096	12D3010174	Trần Văn	Vinh	03.09.94	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	9
52	ĐT098	12D3010176	Nguyễn Tuấn	Vũ	11.04.92	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	5
53	ĐT099	12D3010178	Nguyễn Ngọc	Vương	20.02.93	12CB-ĐT1	C 3.3 - 04	6
54	ĐT002	12D3010003	Hà Việt	Anh	12.09.93	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	5
55	ĐT005	12D3010010	Tô Thanh	Bảo	04.03.94	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	9
56	ĐT008	11D0060082	Nguyễn Văn	Chung	03.05.91	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	7
57	ĐT009	12D3010015	Lã Văn	Công	20.05.93	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	7
58	ĐT010	11D0060083	Nguyễn Chí	Công	14.07.93	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	7
59	ĐT013	12D3010018	Trần Việt	Công	16.07.94	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	7
60	ĐT014	12D3010019	Lê Văn	Cường	12.05.94	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	6
61	ĐT015	12D3010024	Nguyễn Văn	Doanh	11.09.94	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	6
62	ĐT016	12D3010028	Lương Minh	Dương	29.02.92	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	6
63	ĐT018	12D3010030	Nguyễn Hải	Đặng	24.01.94	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	7
64	ĐT019	12D3010031	Nguyễn Khắc	Điệp	10.10.94	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	6
65	ĐT020	12D3010032	Nguyễn Quốc	Đinh	05.09.93	12CB-ĐT2	C 3.3 - 01	7

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
66	ĐT021	12D3010034	Hồ Duy Đông	13.09.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 01	6
67	ĐT022	12D3010036	Lê Công Guim	10.07.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 01	4
68	ĐT024	12D3010038	Nguyễn Huy Hải	08.02.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 01	3
69	ĐT025	12D3010039	Nguyễn Trọng Hải	12.11.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 01	5
70	ĐT026	12D3010040	Nguyễn Phúc Hậu	25.05.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 01	4
71	ĐT028	12D3010042	Phan Thái Hiền	16.11.92	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	5
72	ĐT029	12D3010044	Trần Văn Hiệp	19.05.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	6
73	ĐT031	12D3010046	Nguyễn Đức Hiếu	17.07.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	5
74	ĐT032	11D0060107	Đinh Bảo Hòa	14.06.93	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	9
75	ĐT033	12D3010050	Nguyễn Việt Hưng	01.02.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	6
76	ĐT034	12D3010052	Huỳnh Ngọc Huy	16.11.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	5
77	ĐT036	12D3010056	Trần Ngọc Kha	08.08.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	5
78	ĐT038	12D3010058	Phan Trọng Khánh	22.05.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	1
79	ĐT039	12D3010062	Trần Quốc Khoa	09.01.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	5
80	ĐT040	12D3010066	La Tuấn Kiệt	20.11.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	8
81	ĐT041	12D3010068	Lương Trọng Lập	05.08.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	6
82	ĐT042	12D3010070	Nguyễn Tấn Linh	29.08.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	
83	ĐT043	12D3010071	Nguyễn Văn Linh	02.12.93	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	
84	ĐT044	12D3010072	Nguyễn Tài Lợi	16.10.93	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	
85	ĐT046	12D3010074	Nguyễn Bảo Long	26.05.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	
86	ĐT049	12D3010083	Nguyễn Văn Nhạc	15.07.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	
87	ĐT051	12D3010087	Nguyễn Hoàng Nhật	27.11.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	5
88	ĐT054	12D3010091	Mong Hoàng Phong	05.11.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 02	5
89	ĐT057	12D3010095	Nguyễn Hồng Phúc	30.04.92	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 03	9
90	ĐT059	12D3010100	Huỳnh Thanh Quan	28.07.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 03	6
91	ĐT062	12D3010107	Ngô Thanh Sang	20.10.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 03	6
92	ĐT064	12D3010111	Chí Ngọc Sơn	16.09.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 03	7
93	ĐT069	12D3010119	Trần Ngọc Anh Tâm	24.09.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 03	6
94	ĐT074	12D3010131	Nguyễn Quốc Thắng	29.06.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 03	6
95	ĐT077	12D3010139	Dương Anh Thi	01.04.93	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 03	5
96	ĐT083	12D3010151	Nguyễn Trọng Trí	29.11.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	3
97	ĐT088	12D3010181	Lê Hoài Trương	10.10.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	5
98	ĐT091	12D3010163	Phạm Văn Truyền	27.05.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	6
99	ĐT097	12D3010175	Nguyễn Tăng Vũ	06.07.94	12CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	5
100	ĐT100	THI LẠI	Bùi Viết Tài	06/6/1991	10CĐ-ĐT4	C 3.3 - 04	2
101	ĐT101	THI LẠI	Nguyễn Quang Hậu	23/10/1992	10CĐ-ĐT5	C 3.3 - 04	Vắng

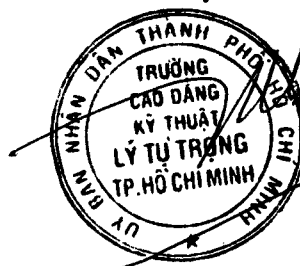
TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
102	ĐT102	THI LẠI	Lương Xuân	Vinh	11/11/1991	11CĐ-ĐT1	C 3.3 - 04	2
103	ĐT103	THI LẠI	Võ Quốc	Huy	01/6/1992	11CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	0
104	ĐT104	THI LẠI	Nguyễn Thanh	Nhàn	12/12/1992	11CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	4
105	ĐT105	THI LẠI	Nguyễn Hoàng	Phong	02/10/1993	11CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	Vắng
106	ĐT106	THI LẠI	Ngô Văn	Thanh	05/5/1989	11CĐ-ĐT2	C 3.3 - 04	4
107	ĐT107	THI LẠI	Ngô Hữu	Ngọc	16/10/1993	11CĐ-ĐT3	C 3.3 - 04	2
108	ĐT108	THI LẠI	Trịnh Hoàng	Phúc	04/10/1992	11CĐ-ĐT3	C 3.3 - 04	3
109	ĐT109	THI LẠI	Nguyễn Đức	Trọng	24/12/1993	11CĐ-ĐT3	C 3.3 - 04	3
110	ĐT110	THI LẠI	Trương Bùi	Thời	29/9/1993	11CĐ-ĐT3	C 3.3 - 04	3

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỂ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.

HẠN CHÓT: THỨ SÁU 14/8/2015

HIỆU TRƯỞNG

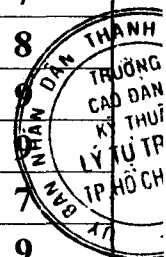


Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
KHOA KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP
Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
Chuyên ngành: ĐIỆN

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
1	Đ001	12D301Đ001	Bùi Thuận An	14.03.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
2	Đ002	12D301Đ002	Nguyễn Hoài An	15.06.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
3	Đ003	12D301Đ006	Đào Trọng Thiên Ân	21.10.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
4	Đ004	12D301Đ007	Lê Đình Ân	09.03.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	5
5	Đ006	12D301Đ009	Dương Quốc Bảo	28.09.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	9
6	Đ007	12D301Đ010	Nguyễn Như Bình	02.04.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	9
7	Đ009	12D301Đ013	Đỗ Ngọc Chung	20.04.91	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	9
8	Đ010	12D301Đ014	Đặng Văn Công	28.02.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	9
9	Đ011	12D301Đ015	Lâm Nguyễn Hùng Cường	14.02.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
10	Đ013	12D301Đ017	Trần Quốc Cường	08.07.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	8
11	Đ015	12D301Đ021	Phạm Văn Diện	10.04.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
12	Đ016	12D301Đ022	Nguyễn Thanh Dinh	18.06.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	8
13	Đ017	12D301Đ023	Trần Cung Duẩn	25.09.92	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
14	Đ018	12D301Đ025	Đỗ Thanh Dũng	21.04.91	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
15	Đ019	12D301Đ026	Phạm Quốc Dũng	30.06.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
16	Đ020	12D301Đ027	Trần Minh Dũng	27.11.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	9
17	Đ021	12D301Đ029	Hồ Anh Duy	16.06.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	8
18	Đ022	12D301Đ030	Hồ Sĩ Duy	27.08.91	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	8
19	Đ023	12D301Đ031	Nguyễn Duy	22.10.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
20	Đ025	12D301Đ034	Vũ Ngọc Duy	22.11.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
21	Đ027	12D301Đ037	Đoàn Ngọc Đạt	10.12.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
22	Đ028	12D301Đ038	Trần Văn Đạt	28.10.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	9
23	Đ030	12D301Đ041	Nguyễn Đình	28.05.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 01	7
24	Đ031	12D301Đ043	Nguyễn Văn Đông	06.01.91	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	7
25	Đ033	12D301Đ045	Nguyễn Xuân Đức	08.09.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	7
26	Đ034	12D301Đ049	Lê Xuân Hải	07.05.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	7
27	Đ035	12D301Đ050	Nguyễn Hữu Hải	24.03.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	7
28	Đ036	11D0010126	Nguyễn Văn Hải	10.02.92	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	7
29	Đ037	12D301Đ051	Phạm Thanh Hải	12.11.93	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	6
30	Đ039	12D301Đ053	Nguyễn Trọng Hậu	02.11.94	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	7



TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
31	Đ040	12D301Đ054	Trần Thanh Hậu	25.11.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
32	Đ041	11D0010133	Nguyễn Văn Hiền	27.12.91	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
33	Đ043	11D0010137	Doãn Bá Hiếu	10.09.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	6
34	Đ044	12D301Đ058	Lê Trung Hiếu	10.02.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
35	Đ045	12D301Đ059	Lâm Minh Hoàng	07.11.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
36	Đ046	12D301Đ065	Nguyễn Phát Hưng	10.06.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	9
37	Đ047	12D301Đ066	Đoàn Văn Huy	08.01.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
38	Đ048	12D301Đ067	Hoàng Công Huy	20.07.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
39	Đ049	12D301Đ070	Vũ Anh Huy	16.05.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
40	Đ050	12D301Đ071	Trương Thành Khoa	24.03.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
41	Đ052	12D301Đ073	Đặng Văn Lên	17.08.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	8
42	Đ053	12D301Đ074	Phạm Tài Lộc	26.01.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
43	Đ057	12D301Đ077	Hồ Thanh Luận	05.07.92	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
44	Đ055	12D301Đ078	Lê Thành Luân	04.01.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	8
45	Đ056	12D301Đ079	Nguyễn Minh Luân	10.06.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	7
46	Đ061	12D301Đ089	Bùi Hữu Nghĩa	17.07.92	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	9
47	Đ062	12D301Đ091	Mai Thái Nguyên	07.03.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	9
48	Đ067	12D301Đ097	Trần Ngọc Nhật	19.08.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	9
49	Đ071	12D301Đ101	Mai Tấn Phát	24.04.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	8
50	Đ074	12D301Đ109	Nguyễn Việt Hải	05.12.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	9
51	Đ076	12D301Đ113	Phạm Văn Quý	11.03.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	9
52	Đ080	11D0010306	Bùi Tấn Tài	01.03.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	8
53	Đ081	12D301Đ117	Nguyễn Ngọc Tài	01.01.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	8
54	Đ088	12D301Đ125	Nguyễn Tiến Thành	13.11.92	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	8
55	Đ090	12D301Đ129	Dương Tuấn Thảo	29.09.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 03	8
56	Đ092	12D301Đ133	Trịnh Xuân Thịnh	12.06.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 04	7
57	Đ096	12D301Đ141	Huỳnh Minh Tiến	20.05.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 04	6
58	Đ104	12D301Đ153	Nguyễn Lê Quang Trung	04.06.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 04	7
59	Đ106	11D0010301	Phan Quốc Tú	13.09.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 04	9
60	Đ109	11D0010265	Lê Trần Quốc Tuấn	01.04.93	12CB-Đ1	C 2.3 - 04	7
61	Đ114	12D301Đ165	Trần Quốc Việt	19.09.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 04	8
62	Đ118	12D301Đ169	Nguyễn Khắc Vũ	06.08.94	12CB-Đ1	C 2.3 - 04	7
63	Đ005	12D301Đ004	Nguyễn Hoàng Anh	17.10.94	12CB-Đ2	C 2.3 - 01	9
64	Đ008	12D301Đ012	Nguyễn Công Chiến	10.07.94	12CB-Đ2	C 2.3 - 01	9
65	Đ012	12D301Đ016	Nguyễn Cao Cường	02.01.94	12CB-Đ2	C 2.3 - 01	8
66	Đ014	12D301Đ020	Nguyễn Thành Diên	30.03.94	12CB-Đ2	C 2.3 - 01	8
67	Đ024	12D301Đ032	Nguyễn Phước Quý Duy	01.01.93	12CB-Đ2	C 2.3 - 01	8
68	Đ026	12D301Đ036	Nguyễn Hải Đăng	12.12.93	12CB-Đ2	C 2.3 - 01	9

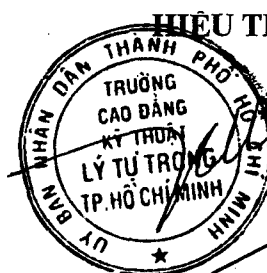
TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
69	Đ029	12D301Đ040	Huỳnh Thanh	Diệp	10.02.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 01	6
70	Đ032	11D0010023	Lê Cảnh	Đức	29.03.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	7
71	Đ038	12D301Đ052	Hà Công	Hậu	20.12.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	8
72	Đ042	12D301Đ056	Đặng Minh	Hiếu	29.08.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	6
73	Đ051	11D0010153	Lê Trung	Kiên	23.09.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	7
74	Đ054	12D301Đ076	Võ Lý	Long	30.12.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	7
75	Đ058	12D301Đ083	Trần Kim	Minh	19.08.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	7
76	Đ059	12D301Đ084	Ngô Anh	Nam	06.11.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	8
77	Đ060	12D301Đ088	Hà Tấn	Ngân	18.11.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 02	7
78	Đ063	12D301Đ092	Nguyễn Ngọc	Nguyên	04.06.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
79	Đ064	12D301Đ094	Phạm	Nhàn	10.01.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	9
80	Đ065	12D301Đ095	Tạ Thiện	Nhân	12.12.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
81	Đ066	12D301Đ096	Huỳnh Hữu	Nhất	19.07.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	9
82	Đ068	12D301Đ098	Lê Tấn	Ninh	21.01.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
83	Đ069	12D301Đ099	Nguyễn Xuân	Nở	15.02.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	9
84	Đ070	12D301Đ100	Võ Tấn	Pháp	20.10.90	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	6
85	Đ072	12D301Đ102	Nguyễn Hồng	Phát	14.05.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
86	Đ073	12D301Đ107	Đoàn Thanh	Phong	05.09.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
87	Đ075	12D301Đ111	Đặng	Quý	19.02.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
88	Đ077	12D301Đ114	Nguyễn Thanh	Quyền	18.11.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	7
89	Đ078	12D301Đ115	Ong Dù	Sén	19.11.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
90	Đ079	12D301Đ116	Nguyễn Văn	Son	30.01.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	6
91	Đ082	12D301Đ118	Nguyễn Ngọc	Tài	17.05.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	10
92	Đ083	12D301Đ119	Nguyễn Hoàng	Tâm	05.12.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
93	Đ084	12D301Đ120	Đỗ Như	Tân	27.05.92	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	7
94	Đ085	12D301Đ123	Đoàn Hữu	Thắng	05.02.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	8
95	Đ086	11D0010296	Giang Hoài	Thanh	15.10.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	6
96	Đ089	12D301Đ126	Nguyễn Văn	Thành	02.12.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	7
97	Đ087	12D301Đ128	Võ	Thanh	08.01.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 03	7
98	Đ091	12D301Đ132	Võ Văn	Thiệt	17.01.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
99	Đ093	12D301Đ136	Ngô Minh	Thống	09.01.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
100	Đ094	12D301Đ138	Nguyễn Văn	Thương	15.08.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	8
101	Đ095	12D301Đ140	Võ Văn	Thương	22.09.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	5
102	Đ097	12D301Đ143	Tô Văn	Tính	00.00.91	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	8
103	Đ098	11D0010071	Nguyễn Lâm	Toàn	06.07.92	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
104	Đ099	12D301Đ147	Đỗ Minh	Trí	04.09.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	8
105	Đ100	11D0010074	Võ Trọng	Trí	21.09.92	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	8
106	Đ101	12D301Đ148	Nguyễn Thanh	Triệu	14.07.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	9

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
107	Đ102	12D301Đ150	Nguyễn Hữu Trọng		28.01.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	9
108	Đ103	12D301Đ152	Huỳnh Ngọc Trung		24.12.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
109	Đ105	12D301Đ156	Võ Anh Trung		24.04.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	8
110	Đ107	11D0010078	Huỳnh Anh Tuấn		16.04.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
111	Đ108	12D301Đ159	Lê Thanh Anh Tuấn		06.06.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
112	Đ110	12D301Đ160	Nguyễn Công Tuấn		04.07.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	6
113	Đ111	12D301Đ162	Kim Thanh Tùng		01.11.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	9
114	Đ112	12D301Đ164	Võ Văn Tý		10.09.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
115	Đ113	11D0010304	Trần Anh Văn		28.08.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	8
116	Đ115	12D301Đ166	Dương Quang Vinh		15.07.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	8
117	Đ116	12D301Đ167	Trịnh Tấn Vinh		02.01.93	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	9
118	Đ117	12D301Đ168	Nguyễn Hoài Phong Vũ		18.11.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
119	Đ119	12D301Đ170	Trần Thanh Vũ		20.06.92	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7
120	Đ120	12D301Đ171	Nguyễn Hoàng Vy		15.07.94	12CĐ-Đ2	C 2.3 - 04	7

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỂ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.

HẠCH CHỐT: THỨ SÁU 14/8/2015



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

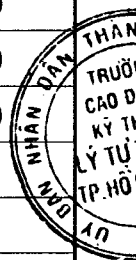
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT

Chuyên ngành: ĐIỆN LẠNH

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
1	NL002	12D2060003	Đặng Công	Bình	05.04.93	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	8
2	NL006	11D0070001	Đỗ Văn	Cường	05.02.93	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	9
3	NL008	12D2060012	Phạm Quang	Duy	15.03.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	7
4	NL010	12D2060018	Nguyễn Văn	Hào	19.09.92	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	9
5	NL012	12D2060024	Trần Bá	Hùng	06.09.93	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	9
6	NL014	12D2060026	Nguyễn Văn	Khân	10.09.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	7
7	NL017	12D2060030	Hạp Tiến Duy	Khoa	27.11.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	8
8	NL018	12D2060032	Đoàn Bùi Nam	Kỳ	19.09.90	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	8
9	NL020	12D2060034	Nguyễn Văn	Lai	30.07.91	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	9
10	NL021	12D2060036	Ngô Đình	Lâm	12.04.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	9
11	NL023	12D2060040	Trịnh Ngọc	Linh	09.08.92	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	10
12	NL024	12D2060042	Nguyễn Văn	Long	04.01.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	10
13	NL025	12D2060044	Võ Thanh	Luân	09.07.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 03	10
14	NL028	12D2060046	Đỗ Hoàng	Nam	15.08.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	8
15	NL031	12D2060052	Trình Hồng	Phúc	09.05.93	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	6
16	NL033	12D2060054	Lương Thế	Quân	05.12.93	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	7
17	NL035	12D2060058	Nguyễn Văn	Quý	01.01.92	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	7
18	NL037	12D2060060	Trần Thanh	Sang	02.06.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	8
19	NL040	12D2060064	Nguyễn Minh	Tâm	16.06.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	9
20	NL041	11D0070057	Nguyễn Thanh	Tân	10.12.91	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	7
21	NL044	12D2060066	Nguyễn Minh	Thành	26.04.91	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	8
22	NL046	12D2060068	Trần Minh	Thảo	16.03.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	8
23	NL048	12D2060070	Trần Minh	Thom	16.03.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	8
24	NL049	12D2060072	Nguyễn Đức	Toàn	15.01.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	6
25	NL050	12D2060074	Huỳnh Bá	Triết	28.03.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	6
26	NL052	12D2060076	Nguyễn Đức	Trọng	27.09.91	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	9
27	NL053	12D2060078	Nguyễn Cao	Trung	21.04.90	12CĐ-NL1	C 3.2 - 04	7
28	NL055	12D2060080	Nguyễn Minh	Trung	21.02.94	12CĐ-NL1	C 3.2 - 05	7



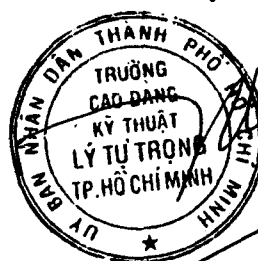
TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
29	NL058	12D2060086	Lý Thanh	Tuấn	11.01.94	12CB-NL1	C 3.2 - 05	8
30	NL061	12D2060090	Nguyễn	Út	22.04.94	12CB-NL1	C 3.2 - 05	6
31	NL062	12D2060094	Nguyễn Minh	Vũ	13.03.92	12CB-NL1	C 3.2 - 05	7
32	NL009	11D0070037	Nguyễn Ngọc	Hải	16.04.93	12CB-NL1	C 3.2 - 03	8
33	NL001	12D2060002	Nguyễn Vương	Anh	14.11.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	8
34	NL003	12D2060004	Đặng Thiên	Bình	29.04.93	12CB-NL2	C 3.2 - 03	6
35	NL004	12D2060006	Trương Ngô	Chí	22.05.92	12CB-NL2	C 3.2 - 03	7
36	NL005	12D2060009	Đặng Thế	Công	13.11.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	9
37	NL007	12D2060011	Nguyễn Văn	Danh	01.01.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	10
38	NL011	12D2060023	Phan Minh	Hùng	05.10.93	12CB-NL2	C 3.2 - 03	8
39	NL013	12D2060025	Nguyễn Từ	Huy	01.03.93	12CB-NL2	C 3.2 - 03	7
40	NL015	12D2060027	Nguyễn Đình	Khánh	10.09.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	9
41	NL016	12D2060029	Đoàn Văn	Khoa	08.02.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	9
42	NL019	12D2060033	Hoàng Tiến	Kỳ	20.02.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	9
43	NL022	12D2060039	Phạm Duy	Linh	27.06.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	10
44	NL026	12D2060043	Trịnh Đình	Luận	01.03.93	12CB-NL2	C 3.2 - 03	10
45	NL027	12D2060045	Nguyễn Văn	Minh	07.09.94	12CB-NL2	C 3.2 - 03	10
46	NL029	12D2060047	Phùng Lê Trọng	Nghĩa	15.03.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	9
47	NL030	12D2060051	Lê Hồng	Phú	01.01.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	5
48	NL032	12D2060053	Trần Văn	Phước	20.03.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	6
49	NL034	12D2060057	Lê Phước	Quý	08.10.91	12CB-NL2	C 3.2 - 04	Vắng
50	NL036	12D2060059	Nguyễn Hoàng	Sang	04.10.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
51	NL038	12D2060061	Nguyễn Văn	Sơn	16.02.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	6
52	NL039	12D2060063	Lê Nguyễn Đức	Tài	11.04.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
53	NL042	12D2060065	Bùi Văn	Thân	17.02.93	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
54	NL043	12D2060008	Bùi Vạn	Thắng	02.07.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
55	NL045	12D2060067	Nguyễn Hiếu	Thảo	27.03.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
56	NL047	12D2060069	Thân Hải	Thọ	21.10.89	12CB-NL2	C 3.2 - 04	9
57	NL051	12D2060075	Võ Long	Triều	09.02.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
58	NL054	12D2060079	Nguyễn Duy	Trung	26.09.94	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
59	NL056	12D2060083	Nguyễn Minh	Trường	13.01.93	12CB-NL2	C 3.2 - 05	6
60	NL057	12D2060085	Trần Anh	Tú	17.07.94	12CB-NL2	C 3.2 - 05	7
61	NL059	12D2060087	Nguyễn Thanh	Tuấn	23.05.85	12CB-NL2	C 3.2 - 05	10
62	NL060	12D2060089	Nguyễn Duy	Tuyến	05.04.92	12CB-NL2	C 3.2 - 05	9
63	NL063	12D2060097	Trần Huy	Vượng	03.01.93	12CB-NL2	C 3.2 - 05	9
64	NL064	THI LẠI	Trần Ngọc	Bắc	12/10/1990	10CB-NL1	C 3.2 - 05	6

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
65	NL065	THI LẠI	Nguyễn Chí Cường	01/01/1992	10CĐ-NL1	C 3.2 - 05	7
66	NL066	THI LẠI	Trần Hồ Trung Hậu	15/9/1990	10CĐ-NL1	C 3.2 - 05	6
67	NL067	THI LẠI	Cao Chí Thuận	06/6/1991	10CĐ-NL2	C 3.2 - 05	Vắng
68	NL068	THI LẠI	Lưu Văn Truyền	14/5/1992	10CĐ-NL3	C 3.2 - 05	Vắng
69	NL069	THI LẠI	Huỳnh Thúc Báu	28/01/1992	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	6
70	NL070	THI LẠI	Đỗ Đình Chí	21/6/1993	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	7
71	NL071	THI LẠI	Dương Tiến Đạt	06/9/1993	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	8
72	NL072	THI LẠI	Nguyễn Quý Dậu	05/5/1993	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	5
73	NL073	THI LẠI	Trần Xuân Diệu	30/10/1993	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	Vắng
74	NL074	THI LẠI	Võ Trung Đông	29/12/1990	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	6
75	NL075	THI LẠI	Lê Trần Minh Khải	07/11/1992	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	7
76	NL076	THI LẠI	Bùi Phi Long	12/3/1993	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	9
77	NL077	THI LẠI	Nguyễn Vũ Tân	10/5/1993	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	9
78	NL078	THI LẠI	Mai Võ Quốc Trí	28/8/1992	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	Vắng
79	NL079	THI LẠI	Trần Hữu Trình	13/10/1993	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	8
80	NL080	THI LẠI	Lê Công Tú	25/4/1992	11CĐ-NL	C 3.2 - 05	8

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỀ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.
HẠN CHÓT: THỨ SÁU 14/8/2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
1	CK003	12D2010004	Đậu Trọng Anh	30.03.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	7
2	CK004	12D2010005	Đỗ Huỳnh Duy Anh	01.10.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	5
3	CK007	12D2010009	Đỗ Chiêm Bao	20.12.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	5
4	CK013	12D2010017	Trần Dãnh	14.09.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	8
5	CK018	12D2010024	Phạm Quang Duy	17.08.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	8
6	CK020	12D2010029	Phạm Quang Đăng	02.02.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	4
7	CK023	12D2010030	Nguyễn Văn Đạt	19.06.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	5
8	CK026	12D2010033	Võ Ngọc Đạt	03.02.94	12CB-CK1	C 2.2 - 01	4
9	CK028	12D2010036	Nguyễn Giao Bảo Điền	06.12.94	12CB-CK1	C 2.2 - 02	6
10	CK029	12D2010037	Lê Văn Diệp	16.09.94	12CB-CK1	C 2.2 - 02	5
11	CK033	12D2010041	Huỳnh Văn Đới	05.08.94	12CB-CK1	C 2.2 - 02	7
12	CK038	12D2010049	Huỳnh Minh Hải	20.08.93	12CB-CK1	C 2.2 - 02	5
13	CK042	12D2010061	Nguyễn Văn Hồ	23.09.93	12CB-CK1	C 2.2 - 02	6
14	CK046	12D2010069	Đặng Văn Hữu	12.04.93	12CB-CK1	C 2.2 - 02	6
15	CK049	12D2010073	Nguyễn Tấn Khang	04.10.94	12CB-CK1	C 2.2 - 02	8
16	CK053	12D2010081	Phan Quốc Kiệt	23.02.94	12CB-CK1	C 2.2 - 02	8
17	CK056	12D2010085	Nguyễn Hoàng Linh	24.06.93	12CB-CK1	C 2.2 - 03	5
18	CK059	12D2010089	Huỳnh Văn Lộc	24.08.94	12CB-CK1	C 2.2 - 03	6
19	CK063	12D2010097	Nguyễn Văn Lưu	29.03.94	12CB-CK1	C 2.2 - 03	6
20	CK065	12D2010100	Trần Hoài Nam	02.08.94	12CB-CK1	C 2.2 - 03	6
21	CK068	12D2010105	Lâm Học Nhân	01.03.94	12CB-CK1	C 2.2 - 03	3
22	CK072	12D2010109	Châu Cường Phát	15.01.94	12CB-CK1	C 2.2 - 03	3
23	CK078	12D2010119	Nguyễn Thành Quân	16.08.94	12CB-CK1	C 2.2 - 03	6
24	CK079	12D2010120	Diệp Kim Quang	28.10.93	12CB-CK1	C 2.2 - 03	5
25	CK081	12D2010124	Nguyễn Hữu Quảng	05.09.93	12CB-CK1	C 2.2 - 03	6
26	CK082	12D2010128	Trần Minh Quyền	13.09.88	12CB-CK1	C 2.2 - 03	7
27	CK088	12D2010136	Tăng Đức Tài	05.11.94	12CB-CK1	C 2.2 - 04	1
28	CK090	12D2010139	Nguyễn Duy Tân	28.08.93	12CB-CK1	C 2.2 - 04	6
29	CK091	12D2010140	Nguyễn Văn Tân	11.09.93	12CB-CK1	C 2.2 - 04	3
30	CK095	12D2010144	Nguyễn Sơn Thạch	14.01.93	12CB-CK1	C 2.2 - 04	6
31	CK098	12D2010148	Hồ Đức Thắng	24.12.94	12CB-CK1	C 2.2 - 04	7



TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
32	CK102	12D2010156	Nguyễn Văn	Thành	07.07.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 04	7
33	CK101	12D2010157	Sử Hải	Thanh	27.10.92	12CĐ-CK1	C 2.2 - 04	6
34	CK105	12D2010160	Nguyễn Văn	Thảo	27.10.92	12CĐ-CK1	C 2.2 - 04	5
35	CK113	12D2010175	Nguyễn Đàm Minh	Trí	24.12.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	7
36	CK114	12D2010178	Nguyễn Quốc	Trọng	29.11.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	4
37	CK115	12D2010179	Nguyễn Quốc	Trung	24.09.93	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	3
38	CK119	12D2010183	Trần Nhật	Trưởng	15.01.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	Vắng
39	CK121	12D2010197	Nguyễn Văn	Tuấn	18.08.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	5
40	CK122	12D2010187	Nguyễn Quốc	Tuyền	18.01.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	4
41	CK125	12D2010190	Dương Minh	Việt	25.10.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	6
42	CK126	12D2010191	Huỳnh Duy	Vinh	10.01.94	12CĐ-CK1	C 2.2 - 05	7
43	CK005	12D2010006	Lê Triều	Anh	28.07.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	6
44	CK002	12D2010008	Trần Thanh	Ân	11.06.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	6
45	CK008	12D2010010	Hồ Phước Ngọc	Bảo	21.09.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	6
46	CK011	12D2010014	Đồng Đăng	Cường	05.11.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	6
47	CK014	12D2010018	Bùi Tấn	Din	01.09.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	6
48	CK019	12D2010026	Nguyễn Xuân	Duyên	09.10.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	7
49	CK022	12D2010028	Nguyễn Tuấn	Đăng	06.12.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	6
50	CK027	12D2010034	Vũ Tuấn	Đạt	21.02.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 01	5
51	CK030	12D2010038	Lưu	Định	16.10.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	8
52	CK032	12D2010040	Nguyễn Văn	Đoàn	28.11.92	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	5
53	CK034	12D2010042	Trần Hữu	Đức	09.11.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	5
54	CK036	12D2010046	Trần Hoàng	Giang	01.01.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	7
55	CK040	10D0020237	Phan Văn Xuân	Hậu	27.12.92	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	7
56	CK043	12D2010062	Nguyễn Nhật	Hòa	01.05.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	8
57	CK047	12D2010070	Đặng Tuấn	Huy	15.07.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	7
58	CK048	12D2010072	Lê Ngọc	Huy	08.08.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	3
59	CK050	12D2010074	Nguyễn Trọng	Khang	11.11.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	6
60	CK054	12D2010082	Nguyễn Hoàng	Lâm	04.09.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 02	7
61	CK057	12D2010086	Phan Vũ	Linh	01.05.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	Vắng
62	CK061	12D2010092	Phùng Ngọc	Long	20.10.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	6
63	CK064	12D2010098	Nguyễn Công	Minh	21.07.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	7
64	CK066	12D2010102	Phạm Anh	Nghiêm	30.08.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	6
65	CK069	12D2010106	Lê Hoàng	Nhân	15.12.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	5
66	CK071	12D2010108	Dương Quốc	Pháp	25.09.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	7
67	CK073	12D2010110	Linh Diệu	Phí	06.08.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	7
68	CK075	12D2010114	Nguyễn Hoài	Phúc	30.10.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	5
69	CK083	12D2010129	Cao Văn	Sa	11.02.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	8

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
70	CK084	12D2010131	Huỳnh Văn	Sang	28.10.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	6
71	CK089	12D2010137	Phạm Ngọc Đăng	Tâm	02.02.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	6
72	CK092	12D2010141	Phạm Minh	Tân	19.10.92	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	6
73	CK094	12D2010143	Nguyễn Phước	Tây	28.01.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	Vắng
74	CK097	12D2010149	Mai Minh	Thăng	14.03.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	5
75	CK100	12D2010152	Giáp Văn	Thanh	03.08.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	7
76	CK106	12D2010165	Phạm Công	Thiện	06.01.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	6
77	CK108	12D2010167	Phạm Việt	Thịnh	26.10.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	6
78	CK109	12D2010168	Nguyễn Văn	Thuộc	10.09.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	5
79	CK111	12D2010198	Trần Văn	Tí	05.05.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	8
80	CK112	12D2010171	Phùng Thanh	Tịnh	10.02.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	5
81	CK118	12D2010182	Nguyễn Tấn	Trương	24.08.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	7
82	CK120	12D2010184	Nguyễn Đắc	Truyền	18.05.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	4
83	CK123	12D2010188	Nguyễn Thiên	Vạn	08.04.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	7
84	CK127	12D2010192	Trương Hoàng Quang	Vinh	17.10.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	5
85	CK128	12D2010196	Dương Lý	Vương	08.03.93	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	4
86	CK116	12D2010180	Nguyễn Thành	Trung	03.01.94	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	3
87	CK001	12D2010003	Phạm Long	An	29.09.93	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	5
88	CK006	12D2010007	Lê Tuấn	Anh	13.06.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	7
89	CK009	12D2010011	Trần Văn	Bảo	23.05.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	6
90	CK010	12D2010012	Vũ Cao	Bền	19.08.91	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	6
91	CK012	12D2010015	Bùi Văn	Dân	29.03.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	7
92	CK015	12D2010019	Nguyễn Hoàng	Dinh	25.01.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	5
93	CK017	12D2010023	Nguyễn Văn	Duy	05.07.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	6
94	CK021	12D2010027	Bùi Châu Duy	Đăng	17.08.93	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	4
95	CK024	12D2010031	Trần Quốc	Đạt	26.09.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	6
96	CK025	12D2010032	Trần Thành	Đạt	21.09.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 01	5
97	CK031	12D2010039	Đỗ Đại	Độ	01.11.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	6
98	CK035	12D2010043	Quảng Văn	Giản	06.07.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	6
99	CK037	12D2010048	Đậu Trọng	Hải	11.02.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	7
100	CK039	12D2010051	Trần Minh	Hải	17.06.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	6
101	CK041	12D2010059	Huỳnh Trung	Hiếu	17.06.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	4
102	CK044	12D2010063	Phùng Quang	Hoàng	27.10.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	6
103	CK045	12D2010065	Phạm Hoàng	Hôn	01.01.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	5
104	CK051	12D2010075	Nguyễn Công	Khanh	19.08.91	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	5
105	CK052	12D2010080	Huỳnh Anh	Kiệt	14.10.94	12CĐ-CK3	C 2.2 - 02	7
106	CK055	12D2010083	Võ Văn	Lệnh	16.04.93	12CĐ-CK3	C 2.2 - 03	7
107	CK058	12D2010087	Trần Ngọc	Linh	17.06.93	12CĐ-CK3	C 2.2 - 03	6



TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
108	CK060	12D2010091	Ngô Hoàng Long	15.12.94	12CB-CK3	C 2.2 - 03	5
109	CK062	12D2010095	Hoàng Văn Lục	28.09.94	12CB-CK3	C 2.2 - 03	3
110	CK067	12D2010103	Nguyễn Thái Nguyên	05.02.94	12CB-CK3	C 2.2 - 03	3
111	CK070	10D0020176	Văn Quang Ninh	06.12.92	12CB-CK3	C 2.2 - 03	6
112	CK074	12D2010111	Võ Tấn Phong	07.03.94	12CB-CK3	C 2.2 - 03	5
113	CK076	12D2010115	Bùi Thiên Phước	20.10.94	12CB-CK3	C 2.2 - 03	3
114	CK077	12D2010118	Nguyễn Minh Quân	19.05.93	12CB-CK3	C 2.2 - 03	6
115	CK080	12D2010122	Nguyễn Duy Quang	19.05.94	12CB-CK3	C 2.2 - 03	6
116	CK085	12D2010130	Đặng Sáng	23.08.93	12CB-CK3	C 2.2 - 04	6
117	CK086	12D2010134	Vi Văn Sức	26.01.93	12CB-CK3	C 2.2 - 04	6
118	CK087	12D2010135	Nguyễn Tấn Sỹ	19.04.94	12CB-CK3	C 2.2 - 04	6
119	CK093	12D2010142	Tạ Minh Tấn	25.01.92	12CB-CK3	C 2.2 - 04	5
120	CK096	12D2010146	Nguyễn Hồng Thái	25.11.92	12CB-CK3	C 2.2 - 04	5
121	CK099	12D2010150	Nguyễn Minh Thắng	10.07.92	12CB-CK3	C 2.2 - 04	3
122	CK103	12D2010158	Võ Đức Thành	20.04.93	12CB-CK3	C 2.2 - 04	7
123	CK104	12D2010159	Đàm Minh Thảo	26.11.94	12CB-CK3	C 2.2 - 04	8
124	CK107	12D2010166	Nguyễn Chí Thịnh	26.04.94	12CB-CK3	C 2.2 - 04	2
125	CK110	12D2010169	Lê Thành Thương	18.02.94	12CB-CK3	C 2.2 - 04	6
126	CK117	12D2010181	Phan Thành Trung	19.10.93	12CB-CK3	C 2.2 - 05	3
127	CK124	12D2010189	Lê Ngọc Vàng	07.12.93	12CB-CK3	C 2.2 - 05	5
128	CK016	11D0020011	Lê Văn Dự	02.04.93	12CB-CK3	C 2.2 - 01	4
129	CK129	THI LẠI	Hoàng Liên Sơn	24/01/1991	10CB-CK1	C 2.2 - 05	3
130	CK130	THI LẠI	Phan Văn Cao	24/7/1991	11CB-CK1	C 2.2 - 05	3
131	CK131	THI LẠI	Trần Ngọc Duy	21/10/1992	11CB-CK1	C 2.2 - 05	1
132	CK132	THI LẠI	Lưu Công Giáp	20/4/1993	11CB-CK1	C 2.2 - 05	6
133	CK133	THI LẠI	Bùi Quang Hoàn	12/10/1991	11CB-CK1	C 2.2 - 05	5
134	CK134	THI LẠI	Phạm Khắc Chức	08/8/1992	11CB-CK2	C 2.2 - 05	5
135	CK135	THI LẠI	Lê Văn Sang	15/10/1992	11CB-CK3	C 2.2 - 05	3
136	CK136	THI LẠI	Ngô Duy Khánh	01/4/1991	11CB-CK4	C 2.2 - 05	3
137	CK137	THI LẠI	Nguyễn Thanh Nam	29/9/1992	11CB-CK4	C 2.2 - 05	Vắng
138	CK138	THI LẠI	Phan Hồng Thái	30/4/1993	11CB-CK1	C 2.2 - 05	1

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỂ NHẬN ĐƠN PHÚC KHẢO.
HẠN CHÓT: THỨ SÁU 14/8/2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ÔTÔ

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
1	ĐL001	12D2050001	Lê Quang An	24.05.94	12CB-01	C 3.3 - 05	7
2	ĐL003	12D2050003	Hoàng Xuân Anh	07.09.94	12CB-01	C 3.3 - 05	5
3	ĐL004	12D2050005	Ngô Gia Bảo	17.05.94	12CB-01	C 3.3 - 05	9
4	ĐL005	12D2050007	Nguyễn Hoàng Chiến	26.02.94	12CB-01	C 3.3 - 05	5
5	ĐL010	11D0030022	Trần Bảo Duy	10.12.93	12CB-01	C 3.3 - 05	6
6	ĐL011	12D2050015	Lê Tiến Đạt	02.02.93	12CB-01	C 3.3 - 05	6
7	ĐL012	12D2050098	Nguyễn Tiến Đạt	25.10.94	12CB-01	C 3.3 - 05	7
8	ĐL013	12D2050017	Nguyễn Anh Đức	06.02.94	12CB-01	C 3.3 - 05	7
9	ĐL015	12D2050019	Nguyễn Hoàng Giang	05.09.94	12CB-01	C 3.3 - 05	8
10	ĐL017	12D2050021	Nguyễn Văn Hào	10.04.93	12CB-01	C 3.3 - 05	6
11	ĐL019	12D2050023	Nguyễn Văn Hiền	08.09.94	12CB-01	C 3.3 - 05	9
12	ĐL020	12D2050025	Nguyễn Ngọc Hiếu	25.02.92	12CB-01	C 3.3 - 05	Vắng
13	ĐL021	12D2050027	Phạm Tấn Hoàng	25.05.94	12CB-01	C 3.3 - 05	7
14	ĐL025	12D2050031	Nguyễn Ngọc Huy	03.10.93	12CB-01	C 3.3 - 05	6
15	ĐL026	12D2050033	Nguyễn Văn Huynh	30.07.94	12CB-01	C 3.3 - 05	5
16	ĐL027	12D2050035	Trần Cao Khả	15.11.93	12CB-01	C 3.3 - 05	8
17	ĐL029	12D2050036	Trần Đình Duy Khương	16.03.94	12CB-01	C 3.2 - 01	8
18	ĐL032	12D2050038	Đặng Gia Lạc	26.10.94	12CB-01	C 3.2 - 01	8
19	ĐL035	12D2050040	Nguyễn Quang Linh	20.05.94	12CB-01	C 3.2 - 01	8
20	ĐL036	12D2050042	Phạm Minh Long	19.08.94	12CB-01	C 3.2 - 01	9
21	ĐL038	12D2050044	Trương Hoàng Minh	22.02.93	12CB-01	C 3.2 - 01	9
22	ĐL040	12D2050050	Trần Phúc Nhơn	16.02.94	12CB-01	C 3.2 - 01	10
23	ĐL044	11D0030084	Đặng Phát	22.02.93	12CB-01	C 3.2 - 01	7
24	ĐL046	11D0030087	Nguyễn Hoàng Phong	30.06.91	12CB-01	C 3.2 - 01	6
25	ĐL051	12D2050060	Huỳnh Tấn Qui	05.06.93	12CB-01	C 3.2 - 01	9
26	ĐL054	12D2050062	Trần Văn Tân	05.03.93	12CB-01	C 3.2 - 01	7
27	ĐL056	12D2050064	Nguyễn Minh Thắng	14.04.93	12CB-01	C 3.2 - 02	6
28	ĐL057	12D2050066	Đỗ Nhật Thành	11.08.94	12CB-01	C 3.2 - 02	7

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
29	ĐL058	12D2050068	Nguyễn Tiến Thành	09.11.94	12CB-01	C 3.2 - 02	5
30	ĐL063	12D2050073	Mai Ngọc Thuận	20.07.94	12CB-01	C 3.2 - 02	8
31	ĐL064	12D2050074	Nguyễn Hoàng Thuận	22.07.94	12CB-01	C 3.2 - 02	8
32	ĐL066	12D2050076	Lê Hoàng Thy	07.01.94	12CB-01	C 3.2 - 02	8
33	ĐL070	12D2050078	Trần Quang Tín	21.07.94	12CB-01	C 3.2 - 02	10
34	ĐL071	12D2050080	Nguyễn Thành Toàn	19.02.94	12CB-01	C 3.2 - 02	10
35	ĐL073	12D2050082	Huỳnh Thanh Trà	02.06.94	12CB-01	C 3.2 - 02	9
36	ĐL074	12D2050083	Hoàng Lê Minh Trí	24.11.94	12CB-01	C 3.2 - 02	9
37	ĐL075	12D2050086	Trần Minh Trung	05.07.94	12CB-01	C 3.2 - 02	8
38	ĐL078	11D0030422	Đỗ Quốc Tuấn	26.02.93	12CB-01	C 3.2 - 02	8
39	ĐL079	12D2050089	Nguyễn Văn Tùng	29.11.93	12CB-01	C 3.2 - 02	8
40	ĐL002	12D2050002	Trần Trọng An	22.11.94	12CB-02	C 3.3 - 05	9
41	ĐL006	12D2050008	Nguyễn Thế Dân	17.11.93	12CB-02	C 3.3 - 05	3
42	ĐL008	12D2050012	Nguyễn Quốc Dũng	08.09.94	12CB-02	C 3.3 - 05	8
43	ĐL009	12D2050013	Phạm Anh Dũng	21.04.94	12CB-02	C 3.3 - 05	9
44	ĐL014	12D2050018	Nguyễn Hữu Đức	09.10.92	12CB-02	C 3.3 - 05	7
45	ĐL016	12D2050020	Võ Minh Giàu	12.09.94	12CB-02	C 3.3 - 05	8
46	ĐL018	12D2050022	Tô Công Hậu	02.01.95	12CB-02	C 3.3 - 05	8
47	ĐL022	12D2050028	Nguyễn Văn Hợp	24.09.93	12CB-02	C 3.3 - 05	6
48	ĐL023	10D0030232	Cao Thế Huân	07.03.92	12CB-02	C 3.3 - 05	8
49	ĐL024	12D2050030	Vũ Quốc Hưng	05.03.94	12CB-02	C 3.3 - 05	6
50	ĐL028	10D0030247	Nguyễn Hoàng Khánh	29.03.91	12CB-02	C 3.3 - 05	Vắng
51	ĐL030	11D0030273	Nguyễn Trung Kiên	20.08.93	12CB-02	C 3.2 - 01	5
52	ĐL031	12D2050037	Lê Tuấn Kiệt	14.08.94	12CB-02	C 3.2 - 01	9
53	ĐL033	11D0030277	Nguyễn Đoàn Lâm	28.08.93	12CB-02	C 3.2 - 01	7
54	ĐL034	12D2050039	Nguyễn Thế Lâm	21.02.94	12CB-02	C 3.2 - 01	7
55	ĐL037	12D2050043	Lê Minh Luân	31.08.94	12CB-02	C 3.2 - 01	7
56	ĐL039	12D2050047	Đặng Hữu Nghĩa	17.10.94	12CB-02	C 3.2 - 01	8
57	ĐL042	12D2050051	Phạm Tuấn Nhựt	13.04.94	12CB-02	C 3.2 - 01	7
58	ĐL045	11D0030323	Nguyễn Long Phi	21.09.92	12CB-02	C 3.2 - 01	3
59	ĐL047	12D2050053	Nguyễn Ngọc Phú	08.10.94	12CB-02	C 3.2 - 01	8
60	ĐL048	12D2050055	Đỗ Mạnh Phúc	17.07.94	12CB-02	C 3.2 - 01	8
61	ĐL049	12D2050059	Trần Quang	29.06.94	12CB-02	C 3.2 - 01	8
62	ĐL050	12D2050095	Võ Minh Quang	12.12.94	12CB-02	C 3.2 - 01	9
63	ĐL052	12D2050061	Đỗ Huy Sĩ	19.06.94	12CB-02	C 3.2 - 01	7

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
64	ĐL053	11D0030350	Hà Tuấn Tài	11.11.92	12CB-Ô2	C 3.2 - 01	5
65	ĐL055	12D2050063	Trần Văn Thái	07.04.94	12CB-Ô2	C 3.2 - 01	9
66	ĐL059	12D2050069	Trần Quang Thành	09.04.94	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	10
67	ĐL060	11D0030385	Nguyễn Anh Thiết	20.03.93	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	8
68	ĐL061	12D2050071	Nguyễn Đỗ Thịnh	12.01.93	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	8
69	ĐL062	12D2050072	Nguyễn Đức Thịnh	09.12.94	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	7
70	ĐL065	12D2050075	Nguyễn Thanh Thuận	20.02.93	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	5
71	ĐL067	12D2050077	Nguyễn Văn Tí	25.02.92	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	5
72	ĐL069	11D0030397	Trương Văn Tiễn	10.07.92	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	8
73	ĐL072	12D2050081	Trịnh Vĩ Toàn	23.03.94	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	9
74	ĐL076	11D0030416	Trương Hiếu Trung	04.10.93	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	6
75	ĐL077	12D2050087	Lê Xuân Tú	10.02.94	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	7
76	ĐL007	11D0030016	Lê Tiến Dũng	22.11.92	12CB-Ô2	C 3.3 - 05	8
77	ĐL041	11D0030080	Lê Văn Nhựt	16.03.93	12CB-Ô2	C 3.2 - 01	Vắng
78	ĐL043	11D0030083	Cao Lê Hồng Phát	30.12.93	12CB-Ô2	C 3.2 - 01	8
79	ĐL068	11D0030147	Hồ Nhật Tiến	06.04.91	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	7
80	ĐL080	11D0030441	Cao Đình Vũ	25.01.92	12CB-Ô2	C 3.2 - 02	8
81	ĐL081	THI LẠI	Huỳnh Minh Phương	24/11/1993	11CB-Ô2	C 3.2 - 02	HIỆU TRƯỞNG
82	ĐL082	THI LẠI	Diệp Quang Huy	02/10/1993	11CB-Ô5	C 3.2 - 02	HIỆU TRƯỞNG

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỂ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.
HẠN CHÓT: THỨ SÁU 14/8/2015

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

Ngành: CÔNG NGHỆ MAY

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
1	M001	12D2040002	Trần Phạm Đăng Bình	23.09.93	12CB-M	C 2.3 - 05	9
2	M002	12D2040003	Nguyễn Vũ Minh Châu	06.10.88	12CB-M	C 2.3 - 05	9
3	M003	12D2040005	Dương Thị Dung	13.02.89	12CB-M	C 2.3 - 05	10
4	M004	12D2040006	Nguyễn Thị Dung	10.05.94	12CB-M	C 2.3 - 05	8
5	M005	12D2040034	Phan Thị Hà Giang	22.04.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
6	M006	12D2040009	Lê Thị Minh Gương	29.11.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
7	M007	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh Hạ	13.06.93	12CB-M	C 2.3 - 05	10
8	M008	12D2040013	Huỳnh Thị Kim Liên	20.04.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
9	M009	12D2040014	Nguyễn Thị Linh	12.02.92	12CB-M	C 2.3 - 05	9
10	M010	12D2040015	Nguyễn Thị Cẩm Linh	06.10.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
11	M011	12D2040016	Nguyễn Thị Nam	08.06.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
12	M012	12D2040017	Đỗ Văn Nay	20.12.91	12CB-M	C 2.3 - 05	9
13	M013	12D2040018	Nguyễn Thị Thúy Nga	20.04.94	12CB-M	C 2.3 - 05	10
14	M014	12D2040019	Phạm Thị Thảo Nguyên	24.04.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
15	M015	12D2040020	Nguyễn Văn Nhân	29.04.94	12CB-M	C 2.3 - 05	7
16	M016	12D2040021	Trịnh Thị Nhung	11.11.93	12CB-M	C 2.3 - 05	9
17	M017	12D2040022	Võ Ngọc Băng Tâm	09.03.93	12CB-M	C 2.3 - 05	8
18	M018	12D2040023	Nguyễn Thị Yên Thanh	20.10.94	12CB-M	C 2.3 - 05	10
19	M019	12D2040024	Phạm Thị Thanh	20.11.92	12CB-M	C 2.3 - 05	9
20	M020	12D2040025	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	27.08.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
21	M021	12D2040027	Nguyễn Thị Kim Thy	10.09.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
22	M022	12D2040028	Nguyễn Thị Huyền Trân	25.10.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
23	M023	12D2040029	Dương Thị Xuân Trang	07.07.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9
24	M024	12D2040030	Nguyễn Thị Thùy Trang	25.07.92	12CB-M	C 2.3 - 05	9
25	M025	12D2040031	Ngô Thị Ngọc Tuyết	14.03.94	12CB-M	C 2.3 - 05	8
26	M026	12D2040032	Nguyễn Thị Ngọc Viên	21.02.94	12CB-M	C 2.3 - 05	9

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỀ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.

HẠCH CHÓT: THỨ SÁU 14/8/2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
KHOA KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

Ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	MSSV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Lớp	Điểm Lý thuyết	Điểm Thực hành	TỔNG ĐIỂM
CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM							
1	12D201P001	Phạm Thành An	31.03.94	12CB-TP1	7.75	9.00	9
2	11D0040037	Phạm Vũ An	08.02.93	12CB-TP1	7.00	2.00	4
3	12D201P002	Nguyễn Duy Anh	26.08.91	12CB-TP1	7.75	2.50	5
4	11D0040002	Nhữ Huỳnh Phi Anh	26.06.92	12CB-TP1	7.75	3.00	5
5	12D201P004	Võ Thanh Bá	24.04.94	12CB-TP1	7.75	6.00	7
6	12D201P007	Lê Toàn Cẩm	30.12.94	12CB-TP1	7.00	2.50	4
7	12D201P008	Lê Văn Chí	20.02.94	12CB-TP1	8.50	2.00	5
8	12D201P011	Đoàn Duy Cường	28.07.94	12CB-TP1	7.00	10.00	9
9	12D201P012	Trần Hùng Cường	12.08.93	12CB-TP1	6.25	6.00	6
10	12D201P013	Trần Thanh Dân	26.08.94	12CB-TP1	7.50	9.00	8
11	12D201P014	Trịnh Xuân Đạo	12.07.90	12CB-TP1	9.50	3.00	6
12	12D201P015	Lê Nguyễn Tiến Đạt	28.09.93	12CB-TP1	7.25	7.00	7
13	12D201P016	Ngô Nguyên Đạt	09.09.94	12CB-TP1	8.75	7.50	8
14	11D0040014	Nguyễn Hiến Đông	21.08.93	12CB-TP1	8.25	8.50	8
15	12D201P018	Trần Trí Đồng	07.11.94	12CB-TP1	7.50	5.00	6
16	12D201P020	Lương Vĩ Hào	19.10.94	12CB-TP1	6.25	9.00	8
17	12D201P023	Phạm Trung Hiếu	02.11.93	12CB-TP1	9.50	10.00	10
18	12D201P076	Nguyễn Minh Hoàng	23.06.94	12CB-TP1	6.50	6.50	7
19	12D201P027	Phạm Văn Hộp	28.02.94	12CB-TP1	7.50	8.00	8
20	12D201P028	Lâm Tuấn Hùng	11.01.94	12CB-TP1	7.75	10.00	9
21	11D0040136	Nguyễn Tri Hưng	15.01.91	12CB-TP1	8.00	9.00	9
22	12D201P030	Vòng Dị Vinh Hưng	08.09.94	12CB-TP1	8.50	10.00	9
23	12D201P032	Nguyễn Triết Huy	04.11.94	12CB-TP1	1.00	3.50	3
24	12D201P033	Ngô Đức Huynh	11.10.94	12CB-TP1	8.25	9.00	9
25	12D201P034	Nguyễn Kết	10.03.94	12CB-TP1	8.25	3.50	5
26	12D201P035	Chèng Gia Kiệt	28.04.94	12CB-TP1	8.00	9.50	9
27	12D201P037	Nguyễn Văn Lâm	24.08.93	12CB-TP1	9.00	9.50	9
28	12D201P040	Triệu Đại Lợi	16.07.94	12CB-TP1	7.50	4.50	6



TT	MSSV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Lớp	Điểm Lý thuyết	Điểm Thực hành	TỔNG ĐIỂM
29	12D201P044	Nguyễn Văn Lượng	25.07.94	12CB-TP1	8.75	2.50	5
30	12D201P045	Lê Song Trang Nhã	01.06.94	12CB-TP1	4.50	2.00	3
31	12D201P047	Võ Trọng Nhân	16.03.94	12CB-TP1	6.75	10.00	9
32	12D201P048	Nguyễn Yến Nhi	28.09.94	12CB-TP1	8.75	8.00	8
33	11D0040165	Trần Hoàng Phú	01.01.93	12CB-TP1	5.75	8.00	7
34	12D201P050	Võ Hoàng Phúc	22.12.93	12CB-TP1	9.50	10.00	10
35	12D201P051	Lý Hồng Phương	20.03.94	12CB-TP1	6.50	8.00	7
36	12D201P053	Trần Công Quan	29.07.94	12CB-TP1	8.75	8.00	8
37	12D201P054	Đặng Minh Quang	20.11.91	12CB-TP1	7.75	1.50	4
38	12D201P055	Trần Hữu Quang	10.07.93	12CB-TP1	4.75	8.00	7
39	12D201P056	Nguyễn Huỳnh Mạnh Quốc	01.04.94	12CB-TP1	5.25	10.00	8
40	12D201P057	Nguyễn Tấn Quốc	17.09.94	12CB-TP1	8.50	9.50	9
41	12D201P058	Huỳnh Ngọc Quyền	15.06.94	12CB-TP1	7.75	6.00	7
42	12D201P061	Nguyễn Minh Tấn	01.04.93	12CB-TP1	Vắng	Vắng	0
43	12D201P063	Nguyễn Thái Thành	25.09.94	12CB-TP1	4.25	8.00	7
44	12D201P064	Trần Ngọc Thanh Thảo	07.09.94	12CB-TP1	9.00	9.50	9
45	11D0040082	Nguyễn Lương Minh Toàn	21.01.93	12CB-TP1	7.00	10.00	9
46	12D201P070	Lương Hoàng Trọng	19.08.90	12CB-TP1	9.50	9.50	10
47	12D201P073	Phan Anh Tú	09.03.94	12CB-TP1	6.25	3.00	4
48	11D0040087	Trần Hoàng Vĩnh	24.05.93	12CB-TP1	9.25	7.00	8
49	11D0040009	Nguyễn Chí Cường	28.02.93	12CB-TP1	Vắng	1.00	0
50	11D0040141	Tăng Tuấn Khanh	30.11.93	12CB-TP1	5.50	10.00	8
51	THI LẠI	Nguyễn Bính	10/9/1991	10CB-TP1	Vắng	Vắng	0
52	THI LẠI	Vũ Văn Tú	02/3/1989	10CB-TP1	7.00	7.00	7
53	THI LẠI	Tôn Thất Nhật Nguyên	16/5/1992	10CB-TP2	4.50	9.00	7
54	THI LẠI	Lâm Xuân Thuận	12/02/1991	10CB-TP2	3.00	3.50	3
55	THI LẠI	Lê Phú Quý	16/6/1992	11CB-TP1	7.00	8.50	8
56	THI LẠI	Nguyễn Hiếu Thiện	06/8/1992	11CB-TP1	7.75	8.50	8
57	THI LẠI	Thái Ngọc Hiền	23/3/1989	11CB-TP2	3.25	2.00	3
58	THI LẠI	Phạm Thế Hiền	01/8/1992	11CB-TP2	2.75	10.00	7
59	THI LẠI	Châu Ngọc Luân	20/9/1992	11CB-TP2	2.75	1.50	2
60	THI LẠI	Phan Đình Tuấn Anh	23/5/1993	11CB-TP3	6.50	7.00	7
61	THI LẠI	Lê Hữu Thái Bình	22/11/1993	11CB-TP3	Vắng	Vắng	0
62	THI LẠI	Nguyễn Phi Long	09/11/1990	11CB-TP3	Vắng	1.00	0
63	THI LẠI	Đặng Đình Quý	11/3/1993	11CB-TP3	1.25	0.00	1

TT	MSSV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Lớp	Điểm Lý thuyết	Điểm Thực hành	TỔNG ĐIỂM
64	THI LAI	Ngô Thanh	Xuân	10/10/1992	11CB-TP3	Vắng	Vắng	0
65	THI LAI	Nguyễn Lai Minh	Tuấn	05/11/1992	11CB-TP1	Vắng	Vắng	0
66	THI LAI	Phan Lê Tuấn	Anh	12/11/1993	11CB-TP1	Vắng	1.50	0

MẠNG MÁY TÍNH

1	12D201M001	Vũ Tuấn	Anh	15.01.94	12CB-TM1	7.75	9.00	9
2	11D0050002	Trần Thái	Bảo	06.06.93	12CB-TM1	4.00	8.00	6
3	12D201M003	Nguyễn Hữu	Bình	16.01.94	12CB-TM1	6.25	4.00	5
4	12D201M004	Nguyễn Hữu	Bôn	10.01.94	12CB-TM1	3.00	4.50	4
5	12D201M076	Ngô Chí	Cảnh	03.02.94	12CB-TM1	3.50	5.00	4
6	12D201M005	Nguyễn	Cáp	20.02.94	12CB-TM1	4.25	5.00	5
7	12D201M006	Trần Ái	Châu	07.10.93	12CB-TM1	6.75	6.00	6
8	12D201M007	Tiên Thanh	Chí	02.08.94	12CB-TM1	3.75	5.00	5
9	12D201M008	Trần Đức	Công	09.07.94	12CB-TM1	7.25	9.00	8
10	12D201M009	Nguyễn Bình	Cứ	04.11.94	12CB-TM1	7.50	6.00	7
11	12D201M010	Trương Thị Phương	Dung	16.04.93	12CB-TM1	8.50	8.00	8
12	12D201M011	Nguyễn Duy	Dương	29.09.94	12CB-TM1	7.50	5.00	6
13	12D201M013	Phan Trần Quốc	Duy	21.07.94	12CB-TM1	7.00	7.00	7
14	12D201M014	Huỳnh Tiến	Đạt	15.06.93	12CB-TM1	7.75	8.50	8
15	12D201M015	Kiều Tiến	Đạt	17.11.94	12CB-TM1	9.50	4.00	7
16	12D201M016	Nguyễn Tấn	Đạt	16.08.93	12CB-TM1	7.50	9.00	7
17	12D201M017	Huỳnh	Đô	06.07.94	12CB-TM1	9.00	5.50	7
18	12D201M018	Lê Nguyễn Phú	Giàu	24.10.94	12CB-TM1	6.25	5.00	6
19	12D201M019	Nguyễn Thanh	Hải	14.02.93	12CB-TM1	6.50	7.00	7
20	12D201M020	Nguyễn Vũ	Hải	01.01.94	12CB-TM1	3.75	9.00	7
21	12D201M021	Huỳnh Văn	Hậu	05.10.94	12CB-TM1	5.75	5.50	6
22	11D0050016	Võ Chí	Hiếu	18.09.93	12CB-TM1	3.00	5.00	4
23	12D201M022	Lê Tiến	Hùng	30.01.93	12CB-TM1	5.00	4.50	5
24	11D0050034	Trần Bá	Lâm	01.06.93	12CB-TM1	3.50	6.00	5
25	12D201M026	Võ Văn	Lâm	02.07.94	12CB-TM1	8.50	9.00	9
26	12D201M027	Nguyễn Đình	Lân	03.10.94	12CB-TM1	9.50	9.00	9
27	12D201M030	Ngô Giảng	Lynh	04.01.94	12CB-TM1	5.50	8.00	7
28	12D201M032	Trần Anh	Minh	06.08.94	12CB-TM1	6.50	10.00	9
29	12D201M033	Trần Phan Nhật	Minh	18.07.94	12CB-TM1	5.25	9.50	8
30	12D201M034	Trần Văn	Nam	21.05.93	12CB-TM1	8.00	5.50	7
31	12D201M035	Trần Văn	Nam	10.09.93	12CB-TM1	5.50	7.00	6

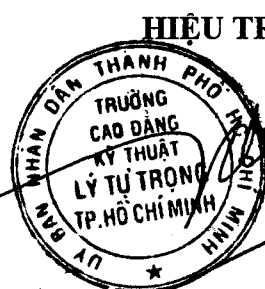


TT	MSSV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Lớp	Điểm Lý thuyết	Điểm Thực hành	TỔNG ĐIỂM
32	12D201M036	Nguyễn Thị Hồng Ngân	24.02.94	12CB-TM1	7.75	8.00	8
33	12D201M037	Nguyễn Trọng Nghĩa	24.04.94	12CB-TM1	5.25	8.00	7
34	12D201M039	Lý Tài Nhân	15.10.94	12CB-TM1	3.50	9.50	7
35	12D201M041	Nguyễn Thành Nhân	06.02.94	12CB-TM1	Vắng	1.00	0
36	11D0050112	Trần Trọng Nhân	20.09.93	12CB-TM1	3.75	10.00	8
37	12D201M042	Đặng Duy Nhật	06.06.94	12CB-TM1	1.00	5.00	3
38	12D201M045	Đinh Hoàng Phúc	07.02.94	12CB-TM1	1.75	9.25	6
39	12D201M046	Bùi Vạn Phước	04.12.94	12CB-TM1	2.50	5.50	4
40	12D201M050	Trần Khánh Quang	06.12.93	12CB-TM1	5.50	9.50	8
41	12D201M052	Nguyễn Cao Sơn	13.06.94	12CB-TM1	Vắng	Vắng	0
42	12D201M053	Nguyễn Thành Tâm	27.08.94	12CB-TM1	5.75	8.50	7
43	12D201M054	Trịnh Duy Tâm	17.12.93	12CB-TM1	2.25	6.50	5
44	12D201M056	Huỳnh Tây	10.03.94	12CB-TM1	5.00	8.50	7
45	12D201M057	Nguyễn Đức Thân	01.10.92	12CB-TM1	6.00	8.00	7
46	12D201M058	Nguyễn Tấn Thanh	18.09.93	12CB-TM1	5.00	5.50	5
47	12D201M059	Võ Quang Thành	30.07.94	12CB-TM1	8.00	8.50	8
48	12D201M061	Trần Thị Diễm Thoa	30.05.93	12CB-TM1	7.25	9.50	9
49	12D201M063	Nguyễn Kha Quốc Tiến	23.08.94	12CB-TM1	6.50	9.50	8
50	12D201M064	Nguyễn Minh Toàn	20.04.94	12CB-TM1	7.00	7.50	7
51	12D201M066	Lê Thái Điền Trí	03.01.94	12CB-TM1	6.75	5.50	6
52	12D201M067	Lý Minh Triều	18.11.94	12CB-TM1	6.75	9.50	8
53	12D201M068	Lê Công Trung	13.10.94	12CB-TM1	8.50	8.50	9
54	11D0050147	La Minh Quốc Trường	07.06.93	12CB-TM1	7.00	8.50	8
55	12D201M069	Nguyễn Xuân Trường	04.07.94	12CB-TM1	6.25	9.00	8
56	12D201M070	Nguyễn Thành Tú	17.03.94	12CB-TM1	5.50	7.00	6
57	12D201M071	Nguyễn Trọng Tuấn	22.04.93	12CB-TM1	9.00	8.00	8
58	12D201M073	Huỳnh Lâm Quang Vinh	23.03.94	12CB-TM1	8.75	9.75	9
59	THI LẠI	Nguyễn Thành Tư	07/11/1993	11CB-TM1	5.50	3.00	4
60	THI LẠI	Trần Việt	07/04/1993	11CB-TM1	4.75	6.00	6

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỂ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.

HẠN CHÓT: THỨ SÁU 14/8/2015



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc